

Kg. P.TC HCTH triển khai lấy ý kiến và tổng hợp.

[Signature]

**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2589 /LĐTBXH-TCGDNN

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2017

V/v đề nghị góp ý dự thảo Tờ trình và
Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở
giáo dục nghề nghiệp

TRƯỞNG CĐKT LÝ THƯỜNG
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 470
Ngày: 05/7/17

Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi:

Căn cứ Điều 8 Luật giáo dục nghề nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương có liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Để hoàn thiện dự thảo hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Quý cơ quan cho ý kiến đối với dự thảo Tờ trình và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (dự thảo các văn bản kèm theo).

Văn bản trả lời đề nghị gửi về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, số 37B Nguyễn Bình Khiêm, Hà Nội) trước ngày 15/7/2017 để tổng hợp.

Trân trọng cảm ơn. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ PC;
- Lưu: VT, TCGDNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



[Signature]
Đào Hồng Lan

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TTg Hà Nội, ngày tháng năm 2017

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020
và tầm nhìn đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 17 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là mạng lưới) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm

a) Quy hoạch mạng lưới theo hướng mở và linh hoạt phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển nhân lực của đất nước trong từng thời kỳ;

b) Phát triển mạng lưới theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng gắn với yêu cầu của hội nhập quốc tế;

c) Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

d) Bảo đảm sự bình đẳng trong giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đầy đủ quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, gắn với kiểm soát chất lượng của cơ quan quản lý nhà nước và sự giám sát của xã hội;

d) Phát triển mạng lưới phù hợp với khả năng đầu tư của ngân sách Nhà nước và khả năng huy động nguồn lực của xã hội.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Hình thành mạng lưới có đủ năng lực đào tạo nhân lực các cấp trình độ trong giáo dục nghề nghiệp với quy mô, cơ cấu hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2020

+ Mạng lưới đủ năng lực đào tạo bình quân khoảng 2,25 triệu người/năm, trong đó: trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng chiếm khoảng 70% và 10% người học trình độ trung cấp trở lên thuộc các ngành, nghề trọng điểm;

+ Phát triển 70 trường chất lượng cao và 150 ngành, nghề trọng điểm (trong đó: có 03 trường đạt đẳng cấp quốc tế; 40 trường và 54 ngành, nghề tiếp cận với trình độ của các nước ASEAN-4 hoặc các nước tiên tiến trên thế giới);

+ 100% các cơ sở đào tạo được chuẩn hóa theo các điều kiện quy định về đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

+ Mạng lưới có khoảng 35% cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Đến năm 2030

+ Mạng lưới đủ năng lực đào tạo bình quân khoảng 2,3 triệu người/năm, trong đó: trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng khoảng 60% và 20% người học trình độ trung cấp trở lên thuộc các ngành, nghề trọng điểm;

+ Phát triển 120 trường chất lượng cao và 200 ngành, nghề trọng điểm (trong đó: có từ 10 đến 15 trường đạt đẳng cấp quốc tế; 70 trường và 90 ngành, nghề tiếp cận với trình độ của các nước ASEAN-4 hoặc các nước tiên tiến trên thế giới);

+ 100% các cơ sở đào tạo được chuẩn hóa theo chuẩn quốc gia trong đó một số tiêu chí tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4;

+ Mạng lưới có khoảng 45% cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

3. Nội dung

a) Cơ cấu mạng lưới

- Cơ cấu mạng lưới gồm:

+ Theo cấp trình độ đào tạo gồm: Trường cao đẳng (đào tạo trình độ: sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, cao đẳng nâng cao), trường trung cấp (đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp) và trung tâm giáo dục nghề nghiệp (đào tạo trình độ sơ cấp);

+ Theo hình thức sở hữu gồm: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

+ Theo phân tầng chất lượng: Trường đạt đẳng cấp quốc tế, trường chất lượng cao, trường được chuẩn hóa theo chuẩn quốc gia;

+ Theo đối tượng đào tạo gồm: Cơ sở đào tạo đối tượng đặc thù (người dân tộc thiểu số, người khuyết tật và các đối tượng đặc thù khác), cơ sở đào tạo ngành, nghề đặc thù (chính trị, an ninh, quốc phòng, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, y tế và các ngành, nghề đặc thù khác);

+ Theo lĩnh vực đào tạo: Cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên ngành và cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa ngành.

- Ngành, nghề đào tạo, gồm:

+ Đến năm 2020, học sinh, sinh viên học các ngành, nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 40%, lĩnh vực dịch vụ chiếm khoảng 32% và lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp chiếm khoảng 28% và đến năm 2030 học sinh, sinh viên học các ngành, nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp và xây dựng chiếm khoảng 42%, lĩnh vực dịch vụ chiếm khoảng 38% và lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp chiếm khoảng 20%.

+ Ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, khu vực ASEAN và quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh;

+ Ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu;

+ Ngành, nghề nặng nhọc độc hại khó tuyển sinh;

+ Các ngành, nghề đặc thù thuộc các lĩnh vực chính trị, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, y tế;

+ Các ngành, nghề khác.

b) Phân bố mạng lưới theo vùng, địa phương

- Phân bố các trường chất lượng cao ở các vùng kinh tế trọng điểm và các địa phương là hạt nhân của các vùng kinh tế - xã hội;

- Phân bố trường cao đẳng ở cấp tỉnh, trường trung cấp và trung tâm giáo dục nghề nghiệp ở cấp huyện;

- Phân bố hợp lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng ven biển.

c) Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp

- Phát triển đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

+ Đối với các ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế và khu vực ASEAN: Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo ở các nước phát triển; áp dụng chuẩn của các nước phát triển để hình thành đội ngũ nhà giáo hạt nhân đạt chuẩn quốc tế có đủ năng lực để đào tạo chương trình chuyển giao từ nước ngoài và đào tạo nhân rộng cho các giáo viên khác trong hệ thống; bồi dưỡng ngoại ngữ, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ sư phạm tiếp cận trình độ quốc tế cho các nhà giáo;

+ Đối với các ngành, nghề khác: Bồi dưỡng kỹ năng nghề cho các nhà giáo để đạt chuẩn theo quy định; Bồi dưỡng tiếng Anh, bồi dưỡng về kiến thức chuyên môn, tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ mới, phương pháp giảng dạy, xây dựng chương trình và sử dụng phương tiện dạy học mới cho các nhà giáo;

- Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp: Cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý.

d) Đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

- Đầu tư đồng bộ để hiện đại hóa cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo cho các ngành, nghề trọng điểm, các trường đẳng cấp quốc tế, khu vực ASEAN, các trường chất lượng cao để một số cơ sở tiếp cận với các nước ASEAN-4; các cơ sở đào tạo đặc thù;

- Đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp để có cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo đáp ứng các điều kiện quy định về đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

4. Giải pháp

a) Về hoàn thiện thể chế, chính sách và quản lý

- Xây dựng và ban hành các chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp;
- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các nghề trọng điểm các cấp độ (quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia);

- Xây dựng và ban hành tiêu chí trường chất lượng cao, trường đạt đẳng cấp quốc tế;

- Nhà nước có chính sách cụ thể để phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp theo mục tiêu của Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị và quy định tại khoản 4 Điều 6 Luật Giáo dục nghề nghiệp;

- Nhà nước có chính sách về tín dụng, đầu tư đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu;

- Thực hiện giao quyền tự chủ toàn diện theo lộ trình về tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập;

- Đẩy mạnh hợp tác với các nước có trình độ đào tạo tiên tiến trong khu vực và quốc tế để từng bước tiếp thu, chuyển giao công nghệ đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao.

b) Về tổ chức lại hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Từng bước tái cấu trúc lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng giảm đầu mối, tăng quy mô tuyển sinh và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, các vùng và địa phương;

- Đối với các trường trung cấp đào tạo các ngành, nghề không phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm và nhu cầu nhân lực của thị trường lao động sẽ xem xét nâng cấp lên thành trường cao đẳng nếu đáp ứng đủ điều kiện hoặc sáp nhập với các trường cao đẳng trên địa bàn hoặc giải thể;

- Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định về đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: Khuyến khích sáp nhập những cơ sở giáo dục nghề nghiệp có cùng ngành, nghề đào tạo trên cùng địa bàn tỉnh, thành phố;

- Thực hiện sáp nhập hoặc giải thể đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 không đáp ứng các điều kiện quy định về đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

- Chỉ thành lập mới cơ sở giáo dục nghề nghiệp khi đáp ứng đủ các quy định về đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích thành lập hoặc nâng cấp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài, trong đó ưu tiên phát triển các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc doanh nghiệp;

- Có phương án bán tài sản trên đất hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất dư thừa sau khi sáp nhập, giải thể cơ sở giáo dục nghề nghiệp để tạo nguồn đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo theo quy định của pháp luật.

c) Về phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

- Rà soát, sắp xếp và phát triển các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo. Tăng cường năng lực đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cho các trường đại học sư phạm kỹ thuật và các khoa sư phạm, các Viện nghiên cứu theo hướng chuyên ngành;

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý các cấp để đạt chuẩn theo quy định.

d) Về tăng cường đầu tư cơ sở vật chất thiết bị

- Ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất, danh mục thiết bị đào tạo theo chuẩn đầu ra đối với các ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc gia;

- Áp dụng tiêu chuẩn cơ sở vật chất, danh mục thiết bị đào tạo của các nước tiên tiến trên thế giới đối với các ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế và khu vực ASEAN.

đ) Về nguồn lực thực hiện quy hoạch

- Ngân sách nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trong đó ưu tiên đầu tư theo nghề trọng điểm, trường chất lượng cao, trường đạt đẳng cấp quốc tế và các cơ sở đào tạo đặc thù;

- Đẩy mạnh thu hút các nguồn vốn xã hội hoá, ODA, FDI, nguồn lực đầu tư trong nước để phát triển giáo dục nghề nghiệp.

5. Lộ trình thực hiện

a) Giai đoạn 2017-2020

- Xây dựng và ban hành các chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp theo các cấp trình độ và phân tầng chất lượng;

- Rà soát, sắp xếp lại cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo các chuẩn.

b) Giai đoạn 2021-2030

- Điều chỉnh, bổ sung các chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho phù hợp nhu cầu phát triển của đất nước và yêu cầu hội nhập;

- Tập trung nâng cao năng lực đào tạo của mạng lưới đáp ứng yêu cầu tăng quy mô và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

6. Tổ chức thực hiện

a) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

- Xây dựng và ban hành các chuẩn trong giáo dục nghề nghiệp theo các cấp trình độ và phân tầng chất lượng;

- Lồng ghép các giải pháp thực hiện quy hoạch với các chương trình, dự án trong từng giai đoạn theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh quy hoạch này cho phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã của từng thời kỳ;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Tổng hợp quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp vào quy hoạch phát triển nhân lực chung của cả nước;

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan Trung ương có liên quan đề xuất và trình Chính phủ đảm bảo nguồn ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển nhân lực và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ.

c) Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan Trung ương có liên quan đề xuất và trình Chính phủ bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước triển khai thực hiện quy hoạch mạng lưới phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển nhân lực và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ.

d) Bộ Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp theo mục tiêu của Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị và quy định tại khoản 4 Điều 6 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

đ) Các bộ, cơ quan trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp là cơ quan chủ quản của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện có theo quy định tại Quyết định này và các văn bản pháp luật có liên quan;

- Xây dựng và phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý phù hợp với Quy hoạch này và chịu trách nhiệm tổ chức việc thực hiện quy hoạch;

- Bố trí và lồng ghép các nguồn lực để thực hiện các nội dung quy hoạch phù hợp với khả năng ngân sách theo từng thời kỳ;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý; định kỳ báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng.... năm 20....
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP; BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (20b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Vũ Đức Đam

Số: /TTTr-LĐTBXH

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Triển khai thực hiện Luật Giáo dục nghề nghiệp và Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 03/9/2016 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2016, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và các địa phương xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trình Thủ tướng Chính phủ như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Giáo dục nghề nghiệp đã quy định “Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch” (khoản 3 Điều 8);

- Nghị quyết số 100/NQ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ Chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã xác định một trong nhiệm vụ chủ yếu trong giai đoạn 2016-2020 về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực” đó là: Rà soát, sắp xếp lại hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020 với giải pháp đó là quy hoạch lại mạng lưới các trường cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề (điểm a mục 3 phần III Điều 1).

2. Căn cứ thực tiễn

Ngày 11/4/2002, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định số 48/2002/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch mạng lưới trường dạy nghề giai đoạn 2002-2010; ngày 27/7/2007, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định số 121/2007/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020 và ngày 26/6/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định

số 37/2013/QĐ-TTg về việc điều chỉnh quy hoạch mạng lưới trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006-2020. Ngày 02/10/2006, Bộ trưởng Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 07/2006/QĐ-BLĐTBXH phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”.

Qua quá trình triển khai quy hoạch mạng lưới, đến nay đã hình thành được hệ thống giáo dục nghề nghiệp theo 3 cấp trình độ thay thế hệ thống giáo dục nghề nghiệp trước đây (ngắn hạn, dài hạn; cao đẳng, cao đẳng nghề, trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp, sơ cấp nghề); mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp phát triển rộng khắp trên toàn quốc (*số trường nghề gần 3 lần, số trung tâm tăng 5,8 lần, trong đó số trường và trung tâm dạy nghề ngoài công lập tăng khoảng 6,8 lần*); xóa được tình trạng không có cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn ở 15 tỉnh và không có trung tâm giáo dục nghề nghiệp tại các huyện ở 40 tỉnh; quy mô giáo dục nghề nghiệp tăng nhanh, chất lượng đào tạo có chuyển biến tích cực, từng bước đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, vùng và đất nước.

Tuy nhiên, việc phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian qua vẫn còn những hạn chế, như: chất lượng và cơ cấu nghề đào tạo vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ, nhất là nhân lực có tay nghề cao đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế; mạng lưới cơ sở dạy nghề của một số vùng (như: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ) phát triển chậm, làm kéo rộng khoảng cách về chất lượng lao động và năng lực cạnh tranh giữa các vùng; chưa quy hoạch mạng lưới giáo dục nghề nghiệp theo nghề; chưa hình thành được các trường chất lượng cao và trường tiếp cận trình độ tiên tiến trong khu vực và thế giới; quy mô đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn nhỏ; quy mô tuyển sinh đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp còn thấp (khoảng 20% trong tổng số); tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp khó khăn, đặc biệt ở những ngành, nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, có chi phí đào tạo cao, ngành nghề năng khiếu; các điều kiện đảm bảo chất lượng còn nhiều bất cập; hệ thống kiểm soát chất lượng đào tạo mới được hình thành, chưa phát huy được hiệu quả trên diện rộng.

Nguyên nhân chủ yếu do:

- Nhận thức của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội; doanh nghiệp và xã hội chưa đầy đủ về vị trí, vai trò quan trọng của giáo dục nghề nghiệp nên chưa quan tâm đúng mức đến công tác xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Chưa bố trí đủ quỹ đất, chưa ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư tương xứng với yêu cầu, chưa bảo đảm đủ giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề... để đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp 2001-2010 và định hướng đến năm 2020 (đối với lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trước đây) được xây dựng trong bối cảnh chưa có quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam do vậy nội dung quy hoạch mạng lưới trong thời kỳ này có những bất cập so với thực tiễn như:

+ Công tác dự báo nhu cầu nhân lực qua đào tạo còn nhiều bất cập, trong đó nhân lực qua đào tạo trong giáo dục nghề nghiệp còn nhiều hạn chế, đặc biệt chưa có dự báo nhân lực đến năm 2030, trong đó số liệu dự báo về nhu cầu lao động qua đào tạo theo trình độ, ngành, nghề, lĩnh vực, vùng không cụ thể dẫn đến việc đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu;

+ Chưa gắn chặt với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và cả nước; một số bộ, ngành, địa phương xác định quy mô, ngành nghề đào tạo không phù hợp với nhu cầu học nghề của xã hội và nhu cầu sử dụng của ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp... nên quyết định quy mô đầu tư cơ sở giáo dục nghề nghiệp không phù hợp, gây lãng phí;

+ Mục tiêu về tỷ lệ tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp đặt ra quá cao trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh, trong khi năng lực đào tạo của các trường chưa đảm bảo. Bên cạnh đó, những năm gần đây, số lượng các trường đại học tăng nhanh, chỉ tiêu tuyển sinh đại học tăng, thời gian tuyển sinh đại học kéo dài so với những năm trước đây, trong khi chính sách phân luồng học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông và trung học cơ sở chưa đi vào thực tiễn, đặc biệt là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở theo mục tiêu của Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 của Bộ Chính trị là: "Năm 2020, phần đầu có ít nhất 30% học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở đi học nghề";

+ Việc chuyển đào tạo từ năng lực sẵn có của cơ sở giáo dục nghề nghiệp sang đào tạo nghề đáp ứng nhu cầu xã hội và thị trường lao động chậm, còn mang tính tự phát; sự tham gia của doanh nghiệp vào hoạt động giáo dục nghề nghiệp còn ít, thụ động, chưa thiết lập được mối liên kết chặt chẽ, thường xuyên giữa các doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

+ Việc sáp nhập 03 trung tâm trên địa bàn huyện (trung tâm dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên và trung tâm giáo dục tổng hợp hướng nghiệp) còn nhiều bất cập, thực hiện không thống nhất ở các địa phương.

- Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp tăng chậm, chưa tương xứng với yêu cầu tăng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nghề; các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước còn hạn chế. Nhiều địa phương chưa quan tâm, bố trí ngân sách địa phương đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp.

- Chính sách xã hội hóa triển khai trong thực tiễn còn nhiều bất cập, trong đó có các chính sách về cung cấp đất "sạch", chính sách miễn, giảm thuế cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi chung là ngoài công lập).

Để phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng nguồn nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2020, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập của mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2001-2015 cần thiết phải xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng căn cứ theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp (Điều 8), định hướng, quan điểm, mục tiêu, giải pháp về phát triển giáo dục nghề nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (Quyết định số 579/QĐ-TTg ngày 19/4/2011), Quy hoạch phát triển nhân lực Việt Nam giai đoạn 2011-2020 (Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 22/7/2011) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương khóa XI về “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” (Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013).

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quá trình thực hiện như sau:

1. Ngày 30/11/2016, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Công văn số 4823/LĐTBXH-TCĐN hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở GDNN thuộc phạm vi quản lý.

2. Tổ chức 03 Hội thảo tại 03 miền (ngày 21/4/2017 tại Đồng Nai; ngày 08/6/2017 tại Phú Yên và ngày 19/6/2017 tại An Giang.....) với sự tham dự của đại diện các bộ, ngành, địa phương để xin ý kiến góp ý trực tiếp đối với dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã đăng tải dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên trang thông tin điện tử để xin ý kiến nhân dân. Ngoài ra, dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ còn được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp để xin ý kiến nhân dân.

4. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các bộ, ngành và địa phương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiếp thu các ý kiến góp ý hợp lý, hoàn thiện dự thảo Tờ trình và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

III. TIẾP THU VÀ GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN GÓP Ý

Qua tổng hợp ý kiến góp ý của các bộ, ngành thì hầu hết các ý kiến góp ý thống nhất với sự cần thiết ban hành quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, các ý kiến hợp lý đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp thu và hoàn thiện trong dự thảo Tờ trình và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với một số ý kiến khác, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị được giữ nguyên như dự thảo và giải trình như sau:

1.(....)

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUYẾT ĐỊNH

Dự thảo Quyết định gồm có 02 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu gồm:

a) Khoản 1 về quan điểm: Dự thảo đưa ra 05 quan điểm về quy hoạch:

- Quy hoạch mạng lưới theo hướng mở và linh hoạt phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển nhân lực của đất nước trong từng thời kỳ;

- Phát triển mạng lưới theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, có phân tầng chất lượng gắn với yêu cầu của hội nhập quốc tế;

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp;

- Bảo đảm sự bình đẳng trong giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đầy đủ quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, gắn với kiểm soát chất lượng của cơ quan quản lý nhà nước và sự giám sát của xã hội;

- Phát triển mạng lưới phù hợp với khả năng đầu tư của ngân sách Nhà nước và khả năng huy động nguồn lực của xã hội.

b) Khoản 2 về mục tiêu

- Về mục tiêu chung: Hình thành mạng lưới có đủ năng lực đào tạo nhân lực các cấp trình độ trong giáo dục nghề nghiệp với quy mô, cơ cấu hợp lý về ngành, nghề, trình độ đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học và yêu cầu của thị trường lao động góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ.

- Về mục tiêu cụ thể: Xác định cụ thể các mục tiêu đạt được đến năm 2020 và 2030 về quy mô đào tạo, chuẩn hóa các cơ sở GDNN, xã hội hóa, trường chất lượng cao, ngành, nghề trọng điểm, cơ cấu đào tạo theo lĩnh vực.

c) Khoản 3 về nội dung quy hoạch với 04 nhóm nội dung theo quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp gồm: Cơ cấu mạng lưới; phân bố mạng lưới theo vùng, địa phương; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp và đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo.

d) Khoản 4 về giải pháp thực hiện các nội dung quy hoạch với 05 nhóm giải pháp về hoàn thiện thể chế, chính sách và quản lý; tổ chức lại hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất thiết bị và nguồn lực thực hiện quy hoạch.

e) Khoản 5 về lộ trình thực hiện: Dự thảo quy hoạch xác định các nhiệm vụ cụ thể trong giai đoạn 2017-2020 và 2021-2030 để triển khai thực hiện các nội dung và giải pháp của quy hoạch.

f) Khoản 6 về tổ chức thực hiện: Quy định trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch đối với các bộ, ngành và địa phương có liên quan.

Điều 2. Quy định về điều khoản thi hành, hiệu lực thi hành của quyết định và trách nhiệm thực hiện của các bộ, ngành và địa phương có liên quan trong việc triển khai thực hiện quy hoạch.

V. NỘI DUNG XIN Ý KIẾN THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

.....

VI. CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

1. Dự thảo Quyết định.
2. Báo cáo rà soát thực trạng và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.
3. Ý kiến góp ý của các bộ, ngành và địa phương và bảng tổng hợp ý kiến góp ý của các bộ, ngành.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Chính phủ Vũ Đức Đam;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, TCGDNN.

BỘ TRƯỞNG

Đào Ngọc Dung